|  |  |
| --- | --- |
| BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
|  | *Hà Nội, ngày tháng năm 2025* |

**BẢN SO SÁNH, THUYẾT MINH NỘI DUNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA NGHỊ ĐỊNH SỐ 105/2016/NĐ-CP VÀ NGHỊ ĐỊNH SỐ 154/2018/NĐ-CP VỚI QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH**

| **VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ** | | **DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH** | **THUYẾT MINH** |
| --- | --- | --- | --- |
| **Nghị định số 105/2016/NĐ-CP**  **(Nghị định số 105)** | **Nghị định số 154/2018/NĐ-CP (Nghị định số 154)** |
| **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**  1. Nghị định này quy định về điều kiện hoạt động của tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường, quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân trong hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường.  2. Điều kiện hoạt động của tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường phục vụ trực tiếp cho hoạt động đo lường đặc thù thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh và của tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn các thiết bị ghi đo bức xạ không thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định này. | Không sửa đổi, bổ sung. | Không sửa đổi, bổ sung. | Kế thừa toàn bộ nội dung Điều 1 của Nghị định số 105 |
| **Điều 2. Đối tượng áp dụng**  1. Tổ chức cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường (sau đây viết tắt là tổ chức cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm).  2. Tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường được chỉ định (sau đây viết tắt là tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm được chỉ định).  3. Các cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường. | Không sửa đổi, bổ sung. | Không sửa đổi, bổ sung. | Kế thừa toàn bộ nội dung Điều 1 của Nghị định số 105 |
| **Điều 3. Điều kiện hoạt động của tổ chức cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm** | | |  |
| 1. Có tư cách pháp nhân theo quy định của pháp luật Việt Nam. | Không sửa đổi, bổ sung. | Không sửa đổi, bổ sung. | Nội dung này được kế thừa Nghị định 105. |
| 2. Có đủ cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng các điều kiện sau đây:  a) Có mặt bằng làm việc, điều kiện môi trường và điều kiện khác theo yêu cầu của quy trình kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm quy định tại Khoản 3 Điều này; | Bỏ | Bỏ | Nội dung này được kế thừa Nghị định 154. |
| b) Có đủ chuẩn đo lường, phương tiện thực hiện kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm theo yêu cầu của quy trình kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm tương ứng. Các chuẩn đo lường và phương tiện đo này phải được định kỳ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm tại tổ chức cung cấp dịch vụ kiểm định hiệu chuẩn, thử nghiệm có lĩnh vực hoạt động phù hợp và được duy trì, bảo quản, sử dụng theo quy định của người đứng đầu tổ chức; giấy chứng nhận kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phải còn thời hạn có giá trị. | “b) Có đủ chuẩn đo lường, phương tiện, điều kiện môi trường thực hiện kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm theo yêu cầu của quy trình kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm tương ứng. “Quy trình kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phải phù hợp với hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khuyến nghị quốc tế của Tổ chức đo lường pháp định quốc tế, tiêu chuẩn của Ủy ban kỹ thuật điện quốc tế, tiêu chuẩn của Tổ chức tiêu chuẩn hóa quốc tế, tài liệu của nhà sản xuất có liên quan. Các chuẩn đo lường và phương tiện đo này phải được định kỳ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm và được duy trì, bảo quản, sử dụng theo quy định của người đứng đầu tổ chức; giấy chứng nhận kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phải còn thời hạn có giá trị.”. | “2. Có đủ cơ sở vật chất kỹ thuật (bao gồm chuẩn đo lường, phương tiện, điều kiện môi trường thực hiện kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm) đáp ứng yêu cầu của phương pháp thực hiện kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm tương ứng. Các chuẩn đo lường và phương tiện đo này phải được định kỳ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm tại các tổ chức cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm có năng lực phù hợp và được duy trì, bảo quản, sử dụng theo quy định của người đứng đầu tổ chức; giấy chứng nhận kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phải còn thời hạn có giá trị.”. | - Nội dung được kế thừa: Kế thừa yêu cầu cơ bản về cơ sở vật chất, kỹ thuật.  - Nội dung được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, thay thế:  + Sửa cụm từ “quy trình kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm” thành “phương pháp thực hiện”  + Bỏ 01 nội dung: “Quy trình kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phải phù hợp với hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khuyến nghị quốc tế của Tổ chức đo lường pháp định quốc tế, tiêu chuẩn của Ủy ban kỹ thuật điện quốc tế, tiêu chuẩn của Tổ chức tiêu chuẩn hóa quốc tế, tài liệu của nhà sản xuất có liên quan”. |
| 3. Có đủ quy trình kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phù hợp với lĩnh vực đăng ký hoạt động.  Quy trình kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm do tổ chức cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm tự xây dựng, ban hành phải phù hợp với hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc khuyến nghị quốc tế của Tổ chức đo lường pháp định quốc tế, tiêu chuẩn của Ủy ban kỹ thuật điện quốc tế, tiêu chuẩn của Tổ chức tiêu chuẩn hóa quốc tế, tài liệu của nhà sản xuất có liên quan. | “3. Có đủ quy trình kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phù hợp với lĩnh vực đăng ký hoạt động.” | Bỏ | Nội dung này được bãi bỏ, cắt giảm, đơn giản hoá điều kiện. |
| 4. Có ít nhất 02 nhân viên kỹ thuật cho mỗi lĩnh vực hoạt động. Các nhân viên kỹ thuật này phải đáp ứng các yêu cầu sau đây:  a) Là viên chức hoặc lao động hợp đồng có thời hạn từ 12 tháng trở lên;  b) Tốt nghiệp trung cấp chuyên ngành kỹ thuật hoặc tương đương trở lên;  c) Đã hoàn thành khóa đào tạo nghiệp vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm tương ứng với lĩnh vực hoạt động và theo hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ. | “4. Có ít nhất 01 nhân viên kỹ thuật phù hợp với mỗi lĩnh vực hoạt động. Các nhân viên kỹ thuật này phải đáp ứng các yêu cầu sau đây:  Bỏ  a) Tốt nghiệp trung cấp hoặc tương đương trở lên;  b) Đã hoàn thành khóa đào tạo nghiệp vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm tương ứng với lĩnh vực hoạt động và theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ.”. | “3. Có ít nhất 01 nhân viên kỹ thuật cho mỗi lĩnh vực hoạt động. Các nhân viên kỹ thuật này phải đáp ứng các yêu cầu sau đây:  Bỏ  a) Tốt nghiệp trung cấp hoặc tương đương trở lên;  b) Có chứng chỉ hoàn thành khóa đào tạo nghiệp vụ cơ sở về đo lường do Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức thực hiện và nghiệp vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm tương ứng với từng lĩnh vực đăng ký hoạt động. | - Nội dung được kế thừa: số lượng tối thiểu và trình độ của nhân viên kỹ thuật theo NĐ 154.  - Nội dung được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, thay thế: Làm rõ hơn nội dung liên quan đến chứng chỉ đào tạo nghiệp vụ cơ sở về đo lường theo hướng dẫn của Bộ KH&CN và nghiệp vụ KĐ, HC, TN nhằm kiểm soát chất lượng đào tạo, đảm bảo kiến thức, năng lực của nhân viên kỹ thuật, đảm bảo chất lượng kết quả KĐ, HC, TN. |
| 5. Đáp ứng các yêu cầu về tính độc lập, khách quan sau đây:  a) Công khai, minh bạch quy trình kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm đã công bố áp dụng;  b) Người đứng đầu tổ chức cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phải tuân thủ hệ thống quản lý, quy trình kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm đã công bố áp dụng và chịu trách nhiệm về tính chính xác của kết quả kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm đã thực hiện;  c) Nhân viên kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phải tuân thủ quy trình kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm đã công bố áp dụng và chịu trách nhiệm về tính chính xác của kết quả kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm đã thực hiện. | Bỏ | Bỏ | Nội dung này được kế thừa theo Nghị định số 154 (bãi bỏ, cắt giảm, đơn giản hoá điều kiện này). |
| 6. Đã thiết lập và duy trì hệ thống quản lý phù hợp với Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025 đối với hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường. Có văn bản của người đứng đầu tổ chức quy định: Quản lý chứng chỉ (tem, dấu, giấy chứng nhận) kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm; các biện pháp kỹ thuật nghiệp vụ (niêm phong, kẹp chì,...) phải thực hiện khi kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm để ngăn ngừa, phòng chống sự tác động làm thay đổi đặc tính kỹ thuật đo lường chính của phương tiện đo, chuẩn đo lường trong quá trình sử dụng. | “5. Đã thiết lập và duy trì hệ thống quản lý phù hợp với Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025 đối với hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường. Có văn bản của người đứng đầu tổ chức quy định việc quản lý chứng chỉ (tem, dấu, giấy chứng nhận) kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm.”. | “3. Đã thiết lập và duy trì hệ thống quản lý phù hợp với Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025 đối với lĩnh vực đăng ký hoạt động kiểm định; có chứng chỉ công nhận phù hợp với Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025 đối với lĩnh vực đăng ký hoạt động hiệu chuẩn, thử nghiệm. | - Nội dung được kế thừa: Nội dung cơ bản về yêu cầu thiết lập và duy trì hệ thống quản lý theo TCVN ISO/IEC 17025 ở Nghị định số 105 và 154.  - Nội dung được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, thay thế:  + Bổ sung yêu cầu có chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025 đối với hoạt động hiệu chuẩn, thử nghiệm.  + Bỏ nội dung về việc xây dựng quy định việc quản lý chứng chỉ (tem, dấu, giấy chứng nhận) kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm. |
| 7. Có giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường (sau đây viết tắt là giấy chứng nhận đăng ký) theo quy định tại Nghị định này. | Không sửa đổi, bổ sung. | Không sửa đổi, bổ sung. | Kế thừa toàn bộ nội dung |
| **Điều 4. Điều kiện hoạt động của tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm được chỉ định** | | |  |
| 1. Đáp ứng đủ điều kiện hoạt động quy định tại các Khoản 1, 2, 4, 5, 6 và 7 Điều 3 của Nghị định này. | 1. Đáp ứng đủ điều kiện hoạt động quy định tại Điều 3 của Nghị định này.” | 1. Đáp ứng đủ điều kiện hoạt động quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 3 của Nghị định này. | - Nội dung được sửa đổi, bổ sung: Sửa khoản 1  - Nội dung được bãi bỏ, thay thế: nội dung liên quan đến quy trình kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm; văn bản quy định việc quản lý chứng chỉ; có giấy chứng nhận đăng ký |
| 2. Chuẩn công tác và chất chuẩn dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2 thuộc lĩnh vực hoạt động được chỉ định phải được hiệu chuẩn, thử nghiệm hoặc so sánh tại tổ chức hiệu chuẩn, thử nghiệm được chỉ định và phải được chứng nhận theo quy định tại Điều 14 và Điều 15 của Luật đo lường. | “2. Chuẩn công tác và chất chuẩn dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2 thuộc lĩnh vực hoạt động được chỉ định phải đáp ứng các yêu cầu tại văn bản kỹ thuật đo lường Việt Nam tương ứng, phải được hiệu chuẩn, thử nghiệm hoặc so sánh tại tổ chức hiệu chuẩn, thử nghiệm tại Việt Nam có lĩnh vực hoạt động phù hợp được chỉ định hoặc tại tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm ở nước ngoài có lĩnh vực hoạt động phù hợp được công nhận hoặc chỉ định và phải được chứng nhận theo quy định tại Điều 14 và Điều 15 của Luật đo lường.”. | “2. Chuẩn công tác và chất chuẩn dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2 thuộc lĩnh vực hoạt động được chỉ định phải đáp ứng các yêu cầu tại văn bản kỹ thuật đo lường Việt Nam tương ứng, phải được hiệu chuẩn, thử nghiệm hoặc so sánh tại tổ chức hiệu chuẩn, thử nghiệm tại Việt Nam có lĩnh vực hoạt động phù hợp được chỉ định hoặc tại tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm ở nước ngoài có lĩnh vực hoạt động phù hợp được công nhận hoặc chỉ định và phải được chứng nhận theo quy định tại Điều 14 và Điều 15 của Luật đo lường”. | Kế thừa toàn bộ nội dung ở Nghị định số 154 |
| 3. Có đủ quy trình kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phù hợp với lĩnh vực hoạt động được chỉ định. | Bỏ | Bỏ | Kế thừa toàn bộ nội dung của Nghị định số 154 |
| 4. Có ít nhất 02 nhân viên kiểm định được chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường cho mỗi lĩnh vực hoạt động kiểm định phương tiện đo nhóm 2 được chỉ định. | “4. Có ít nhất 01 nhân viên kiểm định được chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường phù hợp với mỗi lĩnh vực hoạt động kiểm định phương tiện đo nhóm 2 được chỉ định.”. | “4. Có ít nhất 01 nhân viên kiểm định được chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường phù hợp với mỗi lĩnh vực hoạt động kiểm định phương tiện đo nhóm 2 được chỉ định.”. | Kế thừa toàn bộ nội dung của Nghị định số 154 |
| 5. Bảo đảm tính độc lập, khách quan. Trường hợp là cơ sở kinh doanh hàng hóa, cung ứng dịch vụ cho khách hàng thông qua sử dụng phương tiện đo nhóm 2 thì không được chỉ định kiểm định phương tiện đo nhóm 2 đó. Trường hợp là cơ sở sản xuất phương tiện đo nhóm 2 thì không được chỉ định kiểm định định kỳ, kiểm định sau sửa chữa phương tiện đo nhóm 2 đó. | Bỏ | Bỏ | Kế thừa toàn bộ nội dung của Nghị định số 154 |
| 6. Đã được chỉ định theo quy định tại Điều 25 của Luật đo lường. | 6. Đã được chỉ định theo quy định tại Điều 25 của Luật đo lường. | 4. Đã được chỉ định theo quy định tại Điều 25 của Luật đo lường. | Kế thừa toàn bộ nội dung |
| **Điều 5. Hồ sơ đăng ký cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm**  Hồ sơ đăng ký cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm (gọi tắt là hồ sơ đăng ký) gồm: | | |  |
| 1. Đơn đăng ký cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường (theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này). | Không sửa đổi, bổ sung. | Không sửa đổi, bổ sung. | - Nội dung kế thừa: tên thành phần hồ sơ của Nghị định số 105. |
| 2. Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu quyết định thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp. | Không sửa đổi, bổ sung. | Bỏ | Nội dung này được bãi bỏ, cắt giảm, đơn giản hoá TTHC. |
| 3. Báo cáo về cơ sở vật chất kỹ thuật, nhân lực (theo Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này). | Không sửa đổi, bổ sung. | Không sửa đổi, bổ sung. | - Nội dung kế thừa: tên thành phần hồ sơ của Nghị định số 105. |
| 4. Danh mục hồ sơ của hệ thống quản lý đã thiết lập và duy trì đối với lĩnh vực hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm đăng ký thực hiện. | Không sửa đổi, bổ sung. | Danh mục các quy trình/thủ tục của hệ thống quản lý đã xây dựng và áp dụng phù hợp với Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025 đối với lĩnh vực hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm đăng ký thực hiện | - Nội dung được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, thay thế:  Sửa cụm từ “hồ sơ” thành “quy trình/thủ tục” và bổ sung cụm từ “phù hợp với Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025 đối với lĩnh vực hoạt”: giúp làm rõ, tránh hiểu nhầm giữa danh mục với hồ sơ thực hiện dẫn đến việc nộp sai/thừa hồ sơ |
| 5. Văn bản quy định về quản lý chứng chỉ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm gồm các nội dung chính sau: Nội dung, hình thức của chứng chỉ; việc chế tạo, quản lý và sử dụng chứng chỉ; kích thước và vị trí thể hiện số đăng ký (ĐK ...) trên chứng chỉ để bảo đảm nhận biết dễ dàng bằng mắt thường; văn bản quy định về việc duy trì, bảo quản, sử dụng chuẩn đo lường, phương tiện đo để kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm; văn bản quy định biện pháp kỹ thuật nghiệp vụ (niêm phong, kẹp chì...) phải thực hiện khi kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm. | “5. Văn bản quy định về quản lý chứng chỉ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm gồm các nội dung chính sau: Nội dung, hình thức của chứng chỉ; việc chế tạo, quản lý và sử dụng chứng chỉ; kích thước và vị trí thể hiện số đăng ký trên chứng chỉ để bảo đảm nhận biết dễ dàng bằng mắt thường; văn bản quy định về việc duy trì, bảo quản, sử dụng chuẩn đo lường, phương tiện đo để kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm.”. | Bỏ | Nội dung này được bãi bỏ, cắt giảm, đơn giản hoá TTHC. |
| **Điều 6. Cấp giấy chứng nhận đăng ký** | | |  |
| 1. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ  Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng là cơ quan giúp Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ tiếp nhận hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận đăng ký thuộc thẩm quyền của Bộ Khoa học và Công nghệ. | Không sửa đổi, bổ sung. | 1. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ  Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh. | - Nội dung được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, thay thế: Thay đổi cơ quan tiếp nhận hồ sơ theo hướng phân cấp hoàn toàn cho địa phương. |
| 2. Tổ chức đăng ký cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm (gọi tắt là tổ chức đăng ký) lập 01 bộ hồ sơ đăng ký gửi trực tiếp hoặc đăng ký trực tuyến qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng. | Không sửa đổi, bổ sung. | 2. Tổ chức đăng ký cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm (gọi tắt là tổ chức đăng ký) lập 01 bộ hồ sơ đăng ký gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc hoặc nộp trực tiếp tại Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc đăng ký trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia. dân cấp tỉnh | - Nội dung được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, thay thế: sửa hình thức nộp hồ sơ cho phù hợp với các quy định về một cửa và theo hướng phân cấp hoàn toàn cho địa phương nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp trong việc thực hiện TTHC, tiết kiệm thời gian và chi phí của cá nhân, tổ chức và cơ quan hành chính nhà nước. |
| 3. Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Bộ Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm cấp giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường (theo Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này). | Không sửa đổi, bổ sung. | 3. Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh chịu trách nhiệm cấp giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường (theo Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này). | - Nội dung kế thừa: cách thức xử lý hồ sơ.  - Nội dung được sửa đổi, bổ sung: Cơ quan giải quyết TTHC  - Nội dung được cắt giảm: giảm gần 30% thời gian xử lý TTHC |
| 4. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ hoặc chưa đầy đủ, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng thông báo cho tổ chức đăng ký về lý do từ chối xử lý hồ sơ hoặc những nội dung cần sửa đổi, bổ sung. | Không sửa đổi, bổ sung. | 4. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ hoặc chưa đầy đủ, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh thông báo cho tổ chức đăng ký về lý do từ chối xử lý hồ sơ hoặc những nội dung cần sửa đổi, bổ sung. | - Nội dung kế thừa: cách thức xử lý hồ sơ.  - Nội dung được sửa đổi, bổ sung: Cơ quan giải quyết TTHC  - Nội dung được cắt giảm: giảm 40% thời gian xử lý TTHC |
| 5. Trường hợp có thông tin, phản ảnh hoặc kết quả thanh tra, kiểm tra phát hiện một hoặc các điều kiện hoạt động của tổ chức đăng ký là không phù hợp quy định hoặc có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận thông tin, phản ánh hoặc kết quả thanh tra, kiểm tra hoặc yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng tổ chức đánh giá tại cơ sở làm căn cứ cấp giấy chứng nhận đăng ký theo quy định tại Khoản 3 Điều này. Nếu kết quả đánh giá là không phù hợp với quy định thì tổ chức đăng ký chịu trách nhiệm trả chi phí đánh giá tại cơ sở. | Không sửa đổi, bổ sung. | Bỏ | Nội dung này được cắt giảm, đơn giản hoá, giúp cải cách TTHC, giảm gánh nặng cho doanh nghiệp và tập trung vào hậu kiểm. |
| **Điều 7. Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký**  Giấy chứng nhận đăng ký được xem xét, cấp lại trong các trường hợp sau đây: | | |  |
| 1. Trường hợp giấy chứng nhận đăng ký bị mất hoặc bị hư hỏng không thể tiếp tục được sử dụng, trình tự cấp lại được thực hiện như sau: | Không sửa đổi, bổ sung. | Bỏ | Nội dung này được cắt giảm nhằm:  - Phù hợp với thực tiễn chuyển đổi số (GCN đăng ký đã được cấp hoàn toàn bằng bản điện tử nên không còn trưởng hợp bị mất hoặc hư hỏng).  - Giảm TTHC. |
| 2. Trường hợp đề nghị điều chỉnh nội dung của giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đã được cấp, trình tự cấp lại được thực hiện như sau:  a) Tổ chức cung cấp dịch vụ lập 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp lại gửi trực tiếp hoặc đăng ký trực tuyến qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng.  Hồ sơ gồm: Đơn đăng ký cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường (theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này); tài liệu, giấy tờ có liên quan đến nội dung điều chỉnh;  b) Trình tự cấp lại giấy chứng nhận đăng ký theo quy định tại Khoản 3, Khoản 4 và Khoản 5 Điều 6 của Nghị định này. | Không sửa đổi, bổ sung. | 2. Trường hợp đề nghị điều chỉnh nội dung của giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đã được cấp, trình tự cấp lại được thực hiện như sau:  a) Tổ chức đăng ký lập 01 bộ hồ sơ đăng ký gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc hoặc nộp trực tiếp tại Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc đăng ký trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.dân cấp tỉnh.  Hồ sơ gồm: Đơn đăng ký cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường (theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này); tài liệu, giấy tờ có liên quan đến nội dung điều chỉnh;  b) Trình tự cấp lại giấy chứng nhận đăng ký theo quy định tại Khoản 3 và Khoản 4 Điều 6 của Nghị định này. | - Nội dung được kế thừa: Thành phần hồ sơ và trình tự cấp lại GCN đăng ký.  - Nội dung được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, thay thế:  + Sửa hình thức nộp hồ sơ cho phù hợp với các quy định về một cửa và theo hướng phân cấp hoàn toàn cho địa phương nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp trong việc thực hiện TTHC, tiết kiệm thời gian và chi phí của cá nhân, tổ chức và cơ quan hành chính nhà nước.  + Bỏ trường hợp đánh giá tại cơ sở nhằm đơn giản hoá, cải cách TTHC, giảm gánh nặng cho doanh nghiệp và tập trung vào hậu kiểm. |
|  |
| 3. Trường hợp đề nghị cấp lại giấy chứng nhận đăng ký đã bị chấm dứt hiệu lực theo quy định tại Khoản 1 Điều 8 của Nghị định này và tổ chức cung cấp dịch vụ đã hoàn thành các biện pháp khắc phục:  a) Tổ chức cung cấp dịch vụ lập 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp lại gửi trực tiếp hoặc đăng ký trực tuyến qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng  Hồ sơ gồm: Công văn đề nghị được cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hoạt động; giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đã được cấp; tài liệu, giấy tờ chứng minh đã hoàn thành các biện pháp khắc phục;  b) Trình tự cấp lại giấy chứng nhận đăng ký theo quy định tại Khoản 3 và, Khoản 4 và Khoản 5 Điều 6 của Nghị định này. |  | 3. Trường hợp đề nghị cấp lại giấy chứng nhận đăng ký đã bị thu hồi theo quy định tại Điều 7a của Nghị định này và tổ chức cung cấp dịch vụ đã hoàn thành các biện pháp khắc phục:  a) Tổ chức cung cấp dịch vụ lập 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp lại giấy chứng nhận đăng ký gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc hoặc nộp trực tiếp tại Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc đăng ký trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.  Hồ sơ gồm: Công văn đề nghị được cấp lại giấy chứng nhận đăng ký; tài liệu, giấy tờ chứng minh đã hoàn thành các biện pháp khắc phục;  b) Trình tự cấp lại giấy chứng nhận đăng ký theo quy định tại Khoản 3 và Khoản 4 Điều 6 của Nghị định này. | - Nội dung được kế thừa:  + Yêu cầu có hồ sơ chứng minh đã hoàn thành biện pháp khắc phục.  + Trình tự cấp lại theo quy định tại Điều 6.  - Nội dung được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, thay thế:  + Bổ sung trường hợp giấy chứng nhận bị thu hồi theo Điều 7a.  + Bỏ trường hợp bị chấm dứt hiệu lực theo quy định tại Khoản 1 Điều 8 cho phù hợp với nội dung sửa đổi, bổ sung ở dự thảo Nghị định.  + Sửa hình thức nộp hồ sơ cho phù hợp với các quy định về một cửa và theo hướng phân cấp hoàn toàn cho địa phương nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp trong việc thực hiện TTHC, tiết kiệm thời gian và chi phí của cá nhân, tổ chức và cơ quan hành chính nhà nước.  + Bỏ yêu cầu nộp lại bản gốc giấy chứng nhận cũ cho phù hợp với xu hướng chuyển đổi số.  + Bỏ khoản 5 (trường hợp đánh giá tại cơ sở) do đã được cắt giảm ở Điều 6. |
| **Điều 7a. Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký** | | |  |
| Không có | Không có | Điều 7a. Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký  1. Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền xem xét, thu hồi giấy chứng nhận đăng ký nếu phát hiện tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm vi phạm một trong các quy định sau:  a) Không duy trì đúng một trong các điều kiện hoạt động quy định tại Điều 3 Nghị định này;  b) Không thực hiện đầy đủ một trong các trách nhiệm quy định tại Điều 11 Nghị định này hoặc Điều 7 Luật Đo lường;  c) Giả mạo hoặc khai man các tài liệu trong hồ sơ đề nghị cấp lại giấy chứng nhận đăng ký;  d) Tẩy xóa, sửa chữa làm sai lệch nội dung giấy chứng nhận đăng ký đã được cấp;  2. Tổ chức cung cấp dịch vụ bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký chỉ được xem xét cấp lại sau khi đã khắc phục các vi phạm và có hồ sơ đề nghị cấp lại giấy chứng nhận đăng ký theo quy định tại khoản 2 Điều 7 của Nghị định này.  3. Trường hợp hành vi vi phạm đã được xử phạt theo quy định pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hóa thì không áp dụng việc thu hồi giấy chứng nhận đăng ký theo quy định tại khoản 1 Điều này. | Nội dung này được bổ sung nhằm:  - Tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước.  - Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng: Ngăn chặn các tổ chức vi phạm tiếp tục cung cấp dịch vụ, đảm bảo chất lượng và an toàn cho người sử dụng.​  - Tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh: Loại bỏ các tổ chức không tuân thủ quy định, nâng cao uy tín của các tổ chức hoạt động đúng pháp luật. |
| **Điều 8. Chấm dứt hiệu lực của giấy chứng nhận đăng ký**  Giấy chứng nhận đăng ký đã cấp không còn hiệu lực khi bị chấm dứt hiệu lực. Trình tự, thủ tục chấm dứt hiệu lực của giấy chứng nhận đăng ký thực hiện như sau: | | |  |
| 1. Trường hợp tổ chức cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm không duy trì đúng một trong các điều kiện hoạt động quy định tại Điều 3 hoặc không hoàn thành trách nhiệm quy định tại Khoản 1 Điều 11; nhân viên kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm không hoàn thành trách nhiệm quy định tại Khoản 2 Điều 11 của Nghị định này, Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm quyết định chấm dứt hiệu lực của giấy chứng nhận đăng ký đã cấp (sau đây viết tắt là quyết định chấm dứt hiệu lực chứng nhận đăng ký).  2. Trường hợp tổ chức cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm vi phạm pháp luật bị tước quyền sử dụng giấy chứng nhận đăng ký, đình chỉ hoạt động theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm quyết định chấm dứt hiệu lực giấy chứng nhận đăng ký.  3. Trường hợp tổ chức cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm bị phá sản hoặc giải thể, Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm quyết định chấm dứt hiệu lực giấy chứng nhận đăng ký.  4. Trường hợp tổ chức cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm đề nghị không tiếp tục thực hiện toàn bộ lĩnh vực hoạt động đã được chứng nhận đăng ký, trình tự chấm dứt hiệu lực của giấy chứng nhận đăng ký thực hiện như sau:  a) Tổ chức cung cấp dịch vụ gửi trực tiếp văn bản đề nghị kèm theo giấy chứng nhận đăng ký đã được cấp đến Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng hoặc đăng ký trực tuyến qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng;  b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị, Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm quyết định chấm dứt hiệu lực chứng nhận đăng ký. | Không sửa đổi, bổ sung. | Bỏ  Bỏ  3. Trường hợp tổ chức cung cấp dịch vụ bị phá sản hoặc giải thể, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh chịu trách nhiệm quyết định chấm dứt hiệu lực giấy chứng nhận đăng ký.  4. Trường hợp tổ chức cung cấp dịch vụ đề nghị chấm dứt toàn bộ hoạt động đã được chứng nhận đăng ký, trình tự chấm dứt hiệu lực của giấy chứng nhận đăng ký thực hiện như sau:  a) Tổ chức cung cấp dịch vụ có văn bản đề nghị chấm dứt hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường gửi qua dịch vụ bưu chính hoặc hoặc nộp trực tiếp tại Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc đăng ký trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia;  b) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh chịu trách nhiệm quyết định chấm dứt hiệu lực chứng nhận đăng ký. | - Nội dung kế thừa: khoản 3, 4.  - Nội dung sửa đổi, bổ sung:  + Sửa cụm từ “đề nghị không tiếp tục thực hiện” ở khoản 4 thành “đề nghị chấm dứt” cho ngắn gọn, rõ nghĩa hơn.  + Sửa hình thức nộp hồ sơ cho phù hợp với các quy định về một cửa và số hoá TTHC (Nghị định số [61/2018/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/nghi-dinh-61-2018-nd-cp-co-che-mot-cua-mot-cua-lien-thong-trong-giai-quyet-thu-tuc-hanh-chinh-357427.aspx), Nghị định số 107/2021/NĐ-CP và Nghị quyết 131/NQ-CP), đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp trong việc nộp hồ sơ điện tử.  + Rút ngắn thời hạn xử lý từ 5 → 3 ngày làm việc  - Nội dung được bãi bỏ:  + Khoản 1, 2 và thay thế bằng hình thức thu hồi giấy chứng nhận ở Điều 7a.  + 01 thành phần hồ sơ là “giấy chứng nhận gốc” ở điểm a khoản 4 cho phù hợp với xu hướng chuyển đổi số. |
| **Điều 9. Trách nhiệm của bộ, cơ quan ngang bộ** | | |  |
| 1. Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức quản lý hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm; thanh tra, kiểm tra việc thực hiện trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan quy định tại Nghị định này trên phạm vi cả nước. | Không sửa đổi, bổ sung. | 1. Bộ Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm:  a) Hướng dẫn và tổ chức quản lý hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm;  b) Ban hành nội dung, chương trình đào tạo nghiệp vụ cơ sở về đo lường;  c) Kiểm tra việc thực hiện trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan quy định tại Nghị định này và định kỳ 3 năm thực hiện rà soát đối với hoạt động của tổ chức cung cấp dịch vụ và tổ chức được chỉ định trên phạm vi cả nước;  d) Xây dựng cơ sở dữ liệu chung về hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường trên phạm vi cả nước. | - Nội dung kế thừa:  + Trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức quản lý hoạt động của Bộ KH&CN tại khoản 1.  + Trách nhiệm của Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ tại khoản 2.  - Nội dung được sửa đổi, bổ sung, thay thế:  + Bổ sung nội dung: (1) “định kỳ 3 năm thực hiện rà soát đối với hoạt động của tổ chức cung cấp dịch vụ và tổ chức được chỉ định” và (2) “Xây dựng cơ sở dữ liệu chung về hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường trên phạm vi cả nước” nhằm: Tạo cơ chế hậu kiểm có kế hoạch, giúp theo dõi, đánh giá tính tuân thủ và chất lượng thực hiện của các tổ chức hoạt động lâu dài trong lĩnh vực đo lường; Tăng tính dự báo, minh bạch và công bằng trong giám sát nhà nước; Làm rõ hình thức quản lý chủ động theo chu kỳ, thay vì chỉ chờ phát sinh vi phạm để thanh tra; Tạo cơ sở dữ liệu trên cả nước giúp hoạt động quản lý nhà nước về đo lường được thống nhất, hiệu quả, có hệ thống, tăng tính minh bạch, giúp kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan, tổ chức,… |
| 2. Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức thực hiện hoạt động cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm theo quy định tại Nghị định này trong ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước được phân công. | Không sửa đổi, bổ sung. | 2. Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức thực hiện hoạt động cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm theo quy định tại Nghị định này trong ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước được phân công. | - Nội dung được kế thừa: Toàn bộ nội dung của Nghị định số 105  - Nội dung được bổ sung: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh |
| **Điều 10. Trách nhiệm Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương** | | |  |
| 1. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến và thực hiện các quy định tại Nghị định này trong phạm vi địa phương.  2. Tổ chức triển khai thực hiện Nghị định này; kiểm tra thường xuyên theo kế hoạch hoặc đột xuất theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với hoạt động cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm trên địa bàn theo quy định tại Nghị định này và các quy định khác của pháp luật về đo lường có liên quan. | Không sửa đổi, bổ sung. | Không sửa đổi, bổ sung. | - Nội dung được kế thừa: Toàn bộ nội dung của Nghị định số 105 |
|  |  | 3. Thường xuyên cập nhật thông tin cơ sở dữ liệu chung về hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường do Bộ Khoa học và Công nghệ xây dựng. | ND này được bổ sung nội dung nhằm tạo cơ sở dữ liệu trên cả nước giúp hoạt động quản lý nhà nước về đo lường được thống nhất, hiệu quả, có hệ thống, tăng tính minh bạch, giúp kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan, tổ chức, địa phương… |
| **Điều 11. Trách nhiệm tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm** | | |  |
| 1. Trách nhiệm của tổ chức cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm:  a) Thực hiện kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm trong lĩnh vực hoạt động đã được chứng nhận đăng ký; tuân thủ, duy trì và lưu giữ hồ sơ, tài liệu về việc tổ chức thực hiện các điều kiện hoạt động quy định tại Nghị định này;  b) Ban hành và tổ chức thực hiện quy định về quản lý hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm của nhân viên kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm; duy trì, bảo quản, sử dụng chuẩn đo lường, phương tiện để kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm; in ấn, chế tạo, quản lý và sử dụng chứng chỉ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm; biện pháp ngăn ngừa, phòng chống sự tác động làm thay đổi các đặc tính kỹ thuật đo lường chính của phương tiện đo, chuẩn đo lường trong quá trình sử dụng;  c) Niêm yết công khai giá dịch vụ; chấp hành quy định về giá dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm và việc thanh tra, kiểm tra nhà nước về đo lường của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;  d) Định kỳ hàng năm trước ngày 31 tháng 3 hoặc khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, lập và gửi báo cáo hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm (theo Mẫu số 04 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này). | Không sửa đổi, bổ sung. | 1. Trách nhiệm của tổ chức cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm:  a) Đăng ký, công khai, chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đầy đủ, phù hợp, độ tin cậy, khả năng truy xuất của phương pháp thực hiện kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm; thực hiện kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm trong lĩnh vực hoạt động đã được chứng nhận đăng ký; tuân thủ, duy trì và lưu giữ hồ sơ, tài liệu về hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm và việc tổ chức thực hiện các điều kiện hoạt động quy định tại Nghị định này.  b) Ban hành và tổ chức thực hiện các quy định về quản lý hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm của nhân viên kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm; duy trì, bảo quản, sử dụng chuẩn đo lường, phương tiện để kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm; mẫu chứng chỉ, in ấn, chế tạo, quản lý và sử dụng chứng chỉ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm; biện pháp ngăn ngừa, phòng chống sự tác động làm thay đổi các đặc tính kỹ thuật đo lường chính của phương tiện đo, chuẩn đo lường trong quá trình sử dụng  c) Niêm yết công khai giá dịch vụ; chấp hành quy định về giá dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm và việc thanh tra, kiểm tra nhà nước về đo lường của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;  d) Định kỳ hàng tháng trước ngày cuối cùng của tháng hoặc khi có yêu cầu, lập và gửi báo cáo hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường (theo Mẫu số 04 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này) bằng phương thức điện tử về Bộ Khoa học và Công nghệ (qua Uỷ ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia) và Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh nơi đăng ký trụ sở chính và địa điểm hoạt động; | - Nội dung được kế thừa: Toàn bộ nội dung của Nghị định số 105  - Nội dung được bổ sung:  + Trách nhiệm đăng ký, công khai phương pháp thực hiện tại điểm a nhằm: Tăng tính minh bạch, đảm bảo khả năng hậu kiểm; Phù hợp với nguyên tắc "tự chịu trách nhiệm"; Tăng khả năng giám sát xã hội và truy cứu trách nhiệm khi sai phạm; Tạo cơ sở cho tiêu chuẩn hóa, tích hợp với các hệ thống quốc tế.  + Yêu cầu báo cáo bằng phương thức điện tử tại điểm e nhằm phù hợp với xu thế số hóa quản lý nhà nước, nâng cao tính tiện lợi, giảm chi phí giấy tờ, tiết kiệm thời gian.  - Nội dung được sửa đổi: Tăng tần suất báo cáo từ 1 năm lên hàng tháng nhằm nâng cao hiệu quả của công tác thống kê, kiểm soát hoạt động, giúp cơ quan quản lý nắm bắt kịp thời hoạt động của các tổ chức.  - Nội dung được bổ sung:  + Bổ sung cụm từ “mẫu chứng chỉ” nhằm nhấn mạnh trách nhiệm của tổ chức trong việc xây dựng quy định về mẫu chứng chỉ, tránh việc gây nhầm lẫn trong quá trình thực hiện;  + Bổ sung phương thức gửi báo cáo qua điện tử nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho cả tổ chức và cơ quan quản lý trong quá trình cập nhật số liệu báo cáo, đồng thời phù hợp hơn trong thời đại số. |
| đ) Ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường. | Bổ sung nội dung này nhằm nhằm nâng cao độ chính xác, minh bạch, hiệu quả và năng lực quản lý trong lĩnh vực đo lường; đồng thời tạo cơ sở pháp lý cho các tổ chức trong việc cấp và quản lý chứng chỉ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm bằng phương thức điện tử, rút ngắn thời gian xử lý, tăng năng suất, minh bạch hoá quy trình kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm,… |
| 2. Trách nhiệm của nhân viên kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm:  a) Thực hiện kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm trong lĩnh vực hoạt động đã được chứng nhận đăng ký theo phân công của người đứng đầu tổ chức cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm và phù hợp với lĩnh vực đã được đào tạo;  b) Tuân thủ đúng trình tự, thủ tục quy định tại quy trình kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm và chịu trách nhiệm về kết quả kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm đã thực hiện;  c) Thực hiện các biện pháp theo quy định để ngăn ngừa, phòng chống sự tác động làm thay đổi đặc tính kỹ thuật của phương tiện đo, chuẩn đo lường trong quá trình sử dụng;  d) Khi phát hiện hành vi có dấu hiệu vi phạm quy định của pháp luật về đo lường phải có trách nhiệm báo ngay với người đứng đầu tổ chức để phối hợp với cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật. | Không sửa đổi, bổ sung. | Không sửa đổi, bổ sung. | Nội dung được kế thừa Nghị định 105 |
| **Điều 12. Hiệu lực thi hành** | | |  |
| Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2016. |  | Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày … tháng … năm 20.. | Nội dung được sửa đổi: Thời gian có hiệu lực của Nghị định |
| **Điều 13. Điều khoản chuyển tiếp** | | |  |
| Tổ chức cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường đã được chứng nhận đăng ký, đã được chỉ định theo quy định hiện hành về đo lường đối với hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường được tiếp tục thực hiện việc kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm trong lĩnh vực hoạt động được chứng nhận, được chỉ định và theo các quy định tại Nghị định | Không sửa đổi, bổ sung. | Không sửa đổi, bổ sung. | Nội dung được kế thừa Nghị định 105 |
| **Điều 14. Trách nhiệm thi hành** | | |  |
| Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./. | Không sửa đổi, bổ sung. | Không sửa đổi, bổ sung. |  |
| Mẫu số 01 |  |  | - Nội dung kế thừa:  + Kế thừa hình thức trình bày, bố cục cơ bản của mẫu đơn đăng ký.  + Giữ nguyên nội dung chính: thông tin tổ chức, địa điểm thực hiện, lĩnh vực đăng ký dịch vụ, cam kết thực hiện trách nhiệm pháp lý.  - Nội dung sửa đổi, bổ sung:  + Bổ sung phần khai về mã số doanh nghiệp/giấy đăng ký hoạt động KH&CN, ngày cấp, nơi cấp → giúp kiểm soát pháp lý rõ ràng hơn. + Phân tách nội dung đăng ký theo từng loại hình dịch vụ (kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm) thay vì gộp chung → giúp đánh giá đúng năng lực theo từng mảng hoạt động. + Bổ sung trường khai “độ không đảm bảo đo/sai số cho phép”, “phương pháp thực hiện”, “mã số công nhận ISO/IEC 17025” (áp dụng cho hiệu chuẩn, thử nghiệm) → tăng tính minh bạch, phù hợp yêu cầu pháp lý mới.  - Nội dung đơn giản hóa, cắt giảm TTHC (nếu có):  + Giảm tải việc xử lý sai thông tin nhờ chia nhóm dịch vụ rõ ràng, có trường dữ liệu cụ thể hơn, giúp cơ quan tiếp nhận dễ kiểm tra.  + Việc yêu cầu thông tin mã số ISO/IEC 17025 là hình thức minh bạch hóa, giảm giấy tờ nộp kèm, đồng thời làm căn cứ để cấp giấy chứng nhận đăng ký do năng lực của tổ chức đã được tổ chức thứ 3 công nhận. |
| Mẫu số 02 |  |  | - Nội dung kế thừa: Giữ nguyên các yêu cầu cơ bản về phương tiện đo, chuẩn đo lường, nhân sự; Hồ sơ kèm theo gồm bản sao chứng nhận, chứng chỉ đào tạo; phương pháp KĐ, HC, TN.  - Nội dung sửa đổi, bổ sung:  + Đơn giản hóa mẫu biểu, giảm thao tác hành chính, dễ liên kết giữa dịch vụ – phương tiện – nhân lực.  + Bổ sung mục “phương pháp thực hiện” và “đặc tính kỹ thuật đo lường chính” nhằm minh bạch hoá, dễ hiểu, dễ thực hiện.  - Nội dung đơn giản hoá:  + Giảm số lượng bảng phụ, rút gọn thao tác điền thông tin → giảm chi phí tuân thủ.  + Thông tin tập trung hơn giúp cơ quan tiếp nhận dễ rà soát và kiểm tra các yếu tố liên quan.  + Giảm bớt hồ sơ nộp kèm theo nếu tổ chức lựa chọn phương pháp do Tổng cục TCĐLCL (Ủy ban TCĐLCL Quốc gia) hoặc các tổ chức quốc tế ban hành và đã được xác giận, công nhận giá trị sử dụng của ohwong pháp |
| Mẫu số 03 |  |  | - Nội dung kế thừa:  + Tên gọi, bố cục cơ bản và chức năng của mẫu giấy chứng nhận.  + Giữ nguyên cấu trúc hành chính.  - Nội dung sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ:  + Bổ sung trường khai “độ không đảm bảo đo/sai số cho phép”.  + Tách rõ 3 loại dịch vụ: kiểm định – hiệu chuẩn – thử nghiệm.  + Bổ sung mã công nhận ISO/IEC 17025 cho hiệu chuẩn, thử nghiệm.  + Bỏ cột thông tin về cấp/độ chính xác. |
| Mẫu số 04 |  |  | - Nội dung sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, thay thế:  + Tách rõ 2 hoạt động đăng ký, chỉ định nhằm minh bạch hoá, dễ thực hiện.  + Lược bỏ thông tin liên lạc chi tiết, fax/email, thông tin lặp lại.  + Lược bỏ phần đánh giá tình hình tuân thủ, khiếu nại, nhân sự…  - Nội dung đơn giản hoá:  + Giảm số lượng bảng phụ, số trường thông tin cần khai, rút gọn thao tác điền thông tin, dễ thực hiện, dễ tổng hợp → giảm chi phí tuân thủ.  + Phù hợp với **quản lý bằng dữ liệu,** dễ số hóa, dễ hậu kiểm và phân tích thống kê. |